

Số: /TB-BVMDL

Cà Mau, ngày 18 tháng 6 năm 2025

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Mắt – Da liễu tỉnh Cà Mau có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua thiết bị y tế năm 2025-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị báo giá:

1. Tên đơn vị báo giá: Bệnh viện Mắt – Da liễu tỉnh Cà Mau, Địa chỉ số 27, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, Phường 6, TP. Cà Mau.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

ĐS. Lê Kiều Diễm, Điện thoại liên hệ: 0915.997666, Khoa Dược - VT - TTBYT, Bệnh viện Mắt – Da liễu tỉnh Cà Mau.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Khoa Dược - VT - TTBYT, Bệnh viện Mắt – Da liễu tỉnh Cà Mau, Địa chỉ: số 27, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, Phường 6, TP Cà Mau, gồm **02 bản chính**.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ 16h 00 phút ngày 18 tháng 6 năm 2025 đến trước 16h 00 phút ngày 02 tháng 7 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian và hiệu lực của báo giá: **tối thiểu 150 ngày** kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2025

6. Thông báo Yêu cầu báo giá được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện Mắt- Da liễu: **[benhvienmatdalieucamau.com](http://benhvienmatdalieucamau.com)**

II. Nội dung của yêu cầu báo giá:

1. Danh mục báo giá thiết bị y tế:

## **DANH MỤC BÁO GIÁ**

| ST<br>T               | Tên Hàng Hóa | Thông số kỹ thuật | Đơn vị<br>tính | Số lượng |
|-----------------------|--------------|-------------------|----------------|----------|
| <b>BÁO GIÁ SỐ: 01</b> |              |                   |                |          |

|                       |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                       |      |
|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|
| 1                     | Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.<br>Chất liệu ky nước, lắp sẵn lọc ánh sáng xanh     | 1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.<br>2. Chất liệu: Acrylic ky nước.<br>3. Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh.<br>4. Chỉ số khúc xạ $\geq 1.54$ , ABBE $\geq 36$ .<br>5. Thiết kế: Càng chữ C, hoặc L; Bờ vuông;<br>6. Góc càng từ $0^\circ$ đến $2^\circ$ .<br>7. Đặc điểm: Phi cầu, Cầu sai từ $-0.20\ \mu\text{m}$ đến $-0.15\ \mu\text{m}$ .<br>8. Đường kính tổng thể thủy thể: 12.6 mm đến 13.0 mm.<br>9. Đường kính Optic: 5.5 mm đến 6.0 mm.<br>10. Đường kính vết mờ: $\leq 2.2\ \text{mm}$<br>11. Dải công suất phải có từ:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ: +7.0 D đến +29.0 D</li> <li>○ Từ +7.0 D đến +29.0 D có bước nhảy 1.0 D</li> <li>○ Từ +10.0 D đến +25.0 D có thêm bước nhảy 0.5 D</li> </ul> 12. Lắp sẵn dụng cụ kính kiểu xoay.<br>13. Tiêu chuẩn : ISO , CE                             | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 1000 |
| 2                     | Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, lắp sẵn, không lọc ánh sáng xanh | 1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.<br>2. Chất liệu: Acrylic ky nước.<br>3. Màu sắc trong suốt: lọc tia cực tím (UV); không lọc ánh sáng xanh.<br>4. Chỉ số khúc xạ $\geq 1.5$ , ABBE $\geq 37$ .<br>5. Thiết kế: Càng chữ C hoặc chữ L; Bờ vuông; Góc càng từ $0^\circ$ đến $2^\circ$ .<br>6. Đặc điểm: Phi cầu; Cầu sai (SA) từ $-0.20\ \mu\text{m}$ đến $-0.15\ \mu\text{m}$ .<br>7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 12.6 mm đến 13.0 mm.<br>8. Đường kính Optic: 5.5 mm đến 6.0 mm.<br>9. Đường kính vết mờ: $\leq 2.2\ \text{mm}$ .<br>10. Dải công suất phải có từ:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ: +7.0 D đến +29.0 D</li> <li>○ Từ +7.0 D đến +29.0 D có bước nhảy 1.0 D</li> <li>○ Từ +10.0 D đến +25.0 D có thêm bước nhảy 0.5 D</li> </ul> 11. Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính kiểu xoay.<br>12. Tiêu chuẩn : ISO, CE | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 1000 |
| <b>BÁO GIÁ SỐ: 02</b> |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                       |      |

|   |                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |     |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 1 | Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. Chất liệu Acrylic kỵ nước, không lắp sẵn, lọc tia cực tím | <p>1. Thủy tinh thể nhân tạo: mềm, đơn tiêu, một mảnh.</p> <p>2. Chất liệu: Acrylic kỵ nước.</p> <p>3. Màu sắc: Trong suốt; Lọc tia cực tím (UV)</p> <p>4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.46 đến 1.48, <math>ABBE \geq 55</math>.</p> <p>5. Thiết kế: Càng hình chữ C hoặc L; Bờ vuông; Góc càng từ <math>0^\circ</math> đến <math>2^\circ</math>.</p> <p>6. Đặc điểm: Phi cầu; Cầu sai <math>\leq -0.25 \mu m</math></p> <p>7. Đường kính thủy thể: 5.5 mm đến 6.0 mm.</p> <p>8. Đường kính Optic: 11 mm đến 13 mm.</p> <p>9. Đường kính vết mờ: 2.2 mm đến 2.4 mm.</p> <p>10. Dải công suất phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ: +5.0 D đến +30.0 D.</li> <li>○ Từ: +5.0 D đến +30.0 D có bước nhảy 1.0 D.</li> <li>○ Từ: +10.0 D đến +25.0 D có thêm bước nhảy 0.5 D.</li> </ul> <p>11. Catridge và dụng cụ đặt kính đi kèm.</p> <p>12. Tiêu chuẩn : ISO ,CE hoặc FDA</p>                                                   | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 700 |
| 2 | Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. Chất liệu kỵ nước, không lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh       | <p>1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.</p> <p>2. Chất liệu: Acrylic kỵ nước.</p> <p>3. Màu sắc: màu vàng; Lọc tia cực tím (UV); Lọc ánh sáng xanh.</p> <p>4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.542 đến 1.550, <math>ABBE \geq 38</math>.</p> <p>5. Thiết kế: Càng chữ C hoặc chữ L; Bờ vuông; Góc càng từ <math>0^\circ</math> đến <math>3^\circ</math>.</p> <p>6. Đặc điểm: Phi cầu; Cầu sai (SA) từ -0.25 <math>\mu m</math> đến -0.20 <math>\mu m</math>.</p> <p>7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 12.5 mm đến 13.0 mm.</p> <p>8. Đường kính Optic: 5.0 mm đến 6.0 mm.</p> <p>9. Đường kính vết mờ: 2 đến 2.2 mm.</p> <p>10. Dải công suất kính phải có từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ: +0.0 D đến +38.0 D</li> <li>○ Từ +0.0 D đến +38.0 D có bước nhảy 1.0 D</li> <li>○ Từ +10.0 D đến +30.0 D có thêm bước nhảy 0.5 D</li> </ul> <p>11.Cartridge và dụng cụ đặt kính đi kèm.</p> <p>Tiêu chuẩn : ISO , CE</p> | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 700 |

|   |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                       |      |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------|
| 3 | Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, lọc ánh sáng xanh | <p>1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.</p> <p>2. Chất liệu: Acrylic ky nước.</p> <p>3. Màu sắc: Màu vàng; Lọc tia cực tím (UV); Lọc ánh sáng xanh</p> <p>4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.51 đến 1.53, <math>ABBE \geq 42</math>.</p> <p>5. Thiết kế: dạng 4 càng hoặc dạng phân; Bờ vuông.</p> <p>6. Đặc điểm: Phi cầu;</p> <p>7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 10.0 mm đến 11.0 mm.</p> <p>8. Đường kính Optic: 5.0 mm đến 6.0 mm.</p> <p>9. Đường kính vết mờ: <math>\geq 2.2</math> mm.</p> <p>10. Dải công suất kính phải có từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ: +0.0 D đến +30.0 D.</li> <li>○ Từ: +0.0 D đến +30.0 D có bước nhảy +1.0 D</li> <li>○ Từ: +0.0 D đến +25.0 D có thêm bước nhảy +0.5 D</li> </ul> <p>11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt cartridge và dụng cụ đặt kính đi kèm.</p> <p>12. Tiêu chuẩn : ISO ,CE hoặc FDA</p> | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 700  |
| 4 | Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.                                                | <p>Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.</p> <p>Chất liệu: Acrylic không ngấm nước, không có hiện tượng Glistering</p> <p>Màu sắc: Màu vàng; Lọc tia cực tím (UV); Lọc ánh sáng xanh</p> <p>Chỉ số khúc xạ: từ 1.53 đến <math>\leq 1.55</math>.</p> <p>Thiết kế: 2 càng hoặc 4 càng.</p> <p>Đặc điểm: Phi cầu;</p> <p>Đường kính tổng thủy tinh thể: 10.0 mm đến 12.5 mm.</p> <p>Đường kính Optic: 5.5 mm đến 6.5 mm.</p> <p>Đường kính vết mờ: <math>\leq 2.8</math> mm.</p> <p>Dải công suất kính phải có từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ: -10.0 D đến +30.0 D.</li> <li>○ Từ: 10.0 D đến +30.0 D có bước nhảy +1.0 D</li> <li>○ Từ: +10.0 D đến +25.0 D có thêm bước nhảy +0.5 D</li> </ul> <p>Lắp sẵn bộ đặt kính hoặc kèm theo dụng cụ đặt kính thủy tinh thể nhân tạo.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA.</p>                             | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 6750 |

## BẢO GIÁ SỐ: 03

|   |                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |     |
|---|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 1 | Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, kéo dài tiêu cự. Không ngâm nước. | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, kéo dài tiêu cự, 1 mảnh trong suốt.</li> <li>2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước.</li> <li>3. Màu sắc trong suốt;   Lọc tia cực tím (UV);</li> <li>4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.46 đến 1.48, <math>ABBE \geq 55</math>.</li> <li>5. Thiết kế: Càng chữ C; Bờ vuông; Góc còng từ <math>0^\circ</math>; 3 điểm cố định</li> <li>6. Đặc điểm: Phi cầu; Cầu sai từ -0.27 <math>\mu m</math>.</li> <li>7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 12.5 mm đến 13.5 mm.</li> <li>8. Đường kính Optic: 5.5 mm đến 6.5 mm.</li> <li>9. Đường kính vết mổ: <math>\leq 2.2</math> mm.</li> <li>10. Dải công suất kính phải có từ +5.0 D đến +34.0 D có bước nhảy 0.5 D</li> <li>11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt cartridge và dụng cụ đặt kính đi kèm.</li> <li>12. Tiêu chuẩn : ISO ,CE</li> </ol> | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 250 |
| 2 | Thủy thể thể nhân tạo mềm, 3 tiêu, không ngâm nước                      | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, ba tiêu, một mảnh.</li> <li>2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước.</li> <li>3. Màu sắc: Màu vàng;   Lọc tia cực tím (UV);   Lọc ánh sáng xanh</li> <li>4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.47 đến &lt;1.50.</li> <li>5. Thiết kế: hai còng.</li> <li>6. Đặc điểm: Phi cầu;</li> <li>7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 12.5 mm đến 13.5 mm.</li> <li>8. Đường kính Optic: 5.5 mm đến 6.5 mm.</li> <li>9. Đường kính vết mổ: <math>\geq 2.2</math> mm.</li> <li>10. Dải công suất kính phải có từ: <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Từ: +7.0 D đến +30.0 D.</li> </ul> </li> <li>11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt cartridge và dụng cụ đặt kính đi kèm.</li> <li>12. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA.</li> </ol>                                                                                  | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 100 |

|                       |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |     |
|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|
| 3                     | Thủy thể thể nhân tạo mềm, 3 tiêu, không ngâm nước   | 1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, ba tiêu, một mảnh.<br>2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước.<br>3. Màu sắc: Màu vàng;    Lọc tia cực tím (UV);    Lọc ánh sáng xanh<br>4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.53 đến 1.55.<br>5. Thiết kế: dạng 4 càng hoặc dạng phân; Bờ vuông.<br>6. Đặc điểm: Phi cầu hai mặt lồi.<br>7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 11.4 mm đến 13.0 mm.<br>8. Đường kính Optic: 5.5 mm đến 6.5 mm.<br>9. Đường kính vết mổ: $\leq 2.8$ mm.<br>10. Dải công suất kính phải từ -10.0 D đến +30.0 D.<br>11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt catridge và dụng cụ đặt kính đi kèm.<br>12. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA                                                                            | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 100 |
| 4                     | Thủy thể thể nhân tạo mềm, kéo dài tiêu cự, một mảnh | 1. Thủy thể thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, kéo dài tiêu cự, một mảnh.<br>2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước.<br>3. Màu sắc: Màu vàng;    Lọc tia cực tím (UV);    Lọc ánh sáng xanh<br>4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.53 đến 1.55.<br>5. Thiết kế: 2 càng hoặc 4 càng;<br>6. Đặc điểm: Phi cầu.<br>7. Chiều dài thủy tinh thể: 10.0 mm đến 13.0 mm.<br>8. Đường kính Optic: 5.5 mm đến 6.5 mm.<br>9. Đường kính vết mổ: $\leq 2.8$ mm.<br>10. Dải công suất kính phải có từ:<br>○ Từ: -10.0 D đến +30.0 D.<br>○ Từ: -10.0 D đến +30.0 D.có bước nhảy +1.0 D<br>○ Từ: -10.0 D đến +25.0 D có thêm bước nhảy +0.5 D<br>11. Lắp sẵn trong catridge hoặc dụng cụ đặt kính đi kèm.<br>12. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc FDA | Cái/<br>Chiếc/<br>Hộp | 100 |
| <b>BÁO GIÁ SỐ: 04</b> |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |     |
| 1                     | Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, không ngâm nước  | 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba mảnh, đơn tiêu cự.<br>2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic không ngâm nước (hydrophobic) hoặc tương đương.<br>3. Màu vàng; lọc tia cực tím (UV); lọc ánh sáng xanh; phi cầu.<br>4. Chỉ số khúc xạ (RI): $1,50 \leq RI < 1,54$ .<br>5. Đặc điểm càng: hai càng, chất liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | cái                   | 250 |

|                      |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |       |         |
|----------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|
|                      |                        | PMMA.<br>6. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm $\pm$ 5%;<br>đường kính vùng quang học: 6,0 mm $\pm$ 5%.<br>7. Dải công suất: tối thiểu từ +6,0 D đến +30,0 D.<br>8. Kích thước vết mờ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq$ 2,8 mm.<br>9. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương.<br>10. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.<br>11. Có $\geq$ 2 giấy lưu hành do nước tham chiếu cấp. |       |         |
| <b>BÁO GIÁ: SỐ 5</b> |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |       |         |
| 1                    | Bơm tiêm 1ml           | Bơm tiêm sử dụng 1 lần, 1ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ống   | 30.000  |
| 2                    | Ống tiêm 3ml           | Bơm tiêm sử dụng 1 lần, 3ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ống   | 10.000  |
| 3                    | Ống tiêm 5ml           | Bơm tiêm sử dụng 1 lần, 5ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ống   | 60.000  |
| 4                    | Ống tiêm 10 ml         | Bơm tiêm sử dụng 1 lần, 10ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ống   | 18.000  |
| 5                    | Gạc y tế tiệt trùng    | Gạc y tế 5x6,5 cmx 12 lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Miếng | 300.000 |
| 6                    | Gạc y tế tiệt trùng    | Gạc y tế 10x10 cmx 6 lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Miếng | 20.000  |
| 7                    | Cồn 90 độ              | Cồn 90 độ dùng trong y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Lít   | 300     |
| 8                    | Cồn 70 độ              | Cồn 70 độ dùng trong y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Lít   | 1.100   |
| 9                    | Mũ phẫu thuật          | Mũ vải phẫu thuật dùng cho bệnh nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái   | 18.000  |
| 10                   | Băng dán mi phẫu thuật | Băng dán mi phẫu thuật 6x7cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Miếng | 13.000  |
| 11                   | Khẩu trang y tế        | Khẩu trang y tế 4 lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái   | 25.000  |
| 12                   | Găng tay phẫu thuật    | Găng tay phẫu thuật có bột, tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cặp   | 60.000  |
| 13                   | Ống Heparine           | Ống Heparine 2ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ống   | 20.000  |
| 14                   | Ống EDTA               | Ống EDTA 2ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ống   | 20.000  |
| 15                   | Lưỡi dao mổ số 15      | Lưỡi dao mổ số 15                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Lưỡi  | 2.000   |

|                       |                                 |                                                                     |         |        |
|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------|--------|
| 16                    | Lưỡi dao mổ số 11               | Lưỡi dao mổ số 11                                                   | Lưỡi    | 3.000  |
| 17                    | Chỉ phẫu thuật 10/0             | Chỉ Nylon 10/0, 02 kim hình thang, 30 cm                            | Tép     | 1500   |
| 18                    | Chỉ phẫu thuật 7/0              | Chỉ Nylon 7/0, kim tam giác, 75cm                                   | Tép     | 180    |
| 19                    | Chỉ phẫu thuật 5/0              | Chỉ Nylon 5/0, kim tam giác, 75cm                                   | Tép     | 500    |
| 20                    | Dung dịch rửa tay phẫu thuật    | Clorhexidine 4%                                                     | Lít     | 150    |
| 21                    | Lamen                           | Lamen xét nghiệm                                                    | Hộp/100 | 50     |
| 22                    | Lancet                          | Kim lấy máu xét nghiệm                                              | Hộp/200 | 250    |
| 23                    | Bàn chải phẫu thuật             | Bàn chải dùng trong phẫu thuật                                      | Cái     | 200    |
| 24                    | Băng keo chỉ thị nhiệt          | Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ước                                      | Cuộn    | 20     |
| 25                    | Dây thở Oxy hai nhánh           | Dây thở Oxy nhựa hai nhánh                                          | Sợi     | 200    |
| 26                    | Bộ máy đo huyết áp cơ người lớn | Bộ máy đo huyết áp cơ người lớn bao gồm ống nghe                    | Bộ      | 15     |
| 27                    | Bộ huyết áp điện tử người lớn   | Máy đo huyết áp điện tử người lớn dạng đo quàn ở bắp tay            | Bộ      | 15     |
| 28                    | Máy Spo2                        | Máy đo nồng độ ô xy trong máu dạng kẹp ngón tay                     | Cái     | 30     |
| 29                    | Đồng hồ bình Oxy                | Bộ đồng hồ bình Oxy 15 L/min                                        | Bộ      | 30     |
| 30                    | Dây Garo                        | Dây Gago thoát mạch                                                 | Sợi     | 200    |
| 31                    | Ống nghiệm trắng có nắp 5ml     | Ống nghiệm nhựa trắng có nắp 5ml                                    | Ống     | 30.000 |
| 32                    | Băng cá nhân                    | Băng dán cá nhân                                                    | Hộp     | 200    |
| 33                    | Giấy in điện tim 80mm           | Giấy in điện tim cuộn 80mm                                          | Cuộn    | 500    |
| 34                    | Que gòn lấy mẫu xét nghiệm      | Que gòn lấy mẫu xét nghiệm, tiết trùng trong ống kích thước 12*85mm | Que     | 2000   |
| <b>BÁO GIÁ SỐ: 06</b> |                                 |                                                                     |         |        |

|    |                                          |                                                                                                                                          |       |        |
|----|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------|
| 1  | Test HIV                                 | Test nhanh HIV                                                                                                                           | Tests | 2000   |
| 2  | Test nước tiểu                           | Xét nghiệm 10 thông số trong nước tiểu:<br>dùng cho máy xn nt urometer 720 của<br>hãng abbott                                            | Tests | 22.000 |
| 3  | Test Syphilis                            | Test nhanh Giang mai                                                                                                                     | Tests | 2000   |
| 4  | Test Nội kiểm<br>nước tiểu mức 2         | xét nghiệm 10 thông số trong nước tiểu:<br>dùng cho máy xn nt urometer 720 của<br>hãng abbott                                            | Ml    | 60     |
| 5  | Bộ nhuộm gam                             | Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram.<br>Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm<br>thành phần là Crystal Violet, Lugol,<br>Alcohol và Safranin. | Ml    | 6.400  |
| 6  | Glucose                                  | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 7.000  |
| 7  | ALT/GPT                                  | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 2.500  |
| 8  | AST/GOT                                  | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 2.500  |
| 9  | Urea ( Bun )                             | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 2.500  |
| 10 | Acid Uric                                | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 600    |
| 11 | Creatinin                                | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 3.000  |
| 12 | GGT (gama GGT)                           | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 2.000  |
| 13 | Cholesterol                              | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 600    |
| 14 | Triglyceride                             | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 600    |
| 15 | Bilirubin ( D )                          | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 600    |
| 16 | Bilirubin ( T )                          | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                                                            | Ml    | 600    |
| 17 | Hóa Chất Nội<br>Kiểm Sinh Hóa<br>(Mức 2) | Chất kiểm tra định lượng mức bình<br>thường cho các xét nghiệm thường quy<br>dùng cho máy sinh hoá tự động                               | Lọ    | 18     |

|                       |                                             |                                                                                                        |     |       |
|-----------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|
| 18                    | Hóa Chất Nội Kiểm Sinh Hóa (mức 3)          | Chất kiểm tra định lượng mức cao cho các xét nghiệm thường quy dùng cho máy sinh hoá tự động           | Lọ  | 18    |
| 19                    | Hóa chất Calibration sinh hóa               | Chất hiệu chuẩn chung cho các xét nghiệm thường quy dùng cho máy sinh hoá tự động                      | Lọ  | 10    |
| 20                    | Dung dịch rửa máy sinh hóa tự động tính kèm | Dung dịch rửa cồng dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa dùng cho máy sinh hoá tự động                      | Lít | 30    |
| 21                    | Dung dịch pha loãng (HH dilu)               | Dùng cho máy xét nghiệm hh 3 thành phần urit, bh- 3000t                                                | Lít | 900   |
| 22                    | Dung dịch ly giải phá hồng cầu (HH Lyse)    | Dùng cho máy xét nghiệm hh 3 thành phần urit, bh- 3000t                                                | Lít | 15    |
| 23                    | Dung dịch rửa máy huyết học                 | Dùng cho máy xét nghiệm hh 3 thành phần urit, bh- 3000t                                                | Ml  | 4.000 |
| 24                    | Hóa chất Nội kiểm huyết học                 | Máu chuẩn cho máy huyết học 3 thành phần                                                               | Ml  | 162   |
| 25                    | Dầu soi                                     | Dầu soi dùng cho kính hiển vi                                                                          | Ml  | 300   |
| 26                    | Cuvette                                     | Dùng cho máy sinh hoá tự động BS -240                                                                  | Vĩ  | 30    |
| 27                    | Dung dịch KOH 20%                           | Dung dịch KOH 20%                                                                                      | Ml  | 500   |
| 28                    | Sample cúp 2ml                              | Dùng cho máy sinh hoá tự động                                                                          | Cái | 500   |
| 29                    | Test Nội kiểm nước tiểu mức 1 (chứng âm)    | Xét nghiệm 10 thông số trong nước tiểu: dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu urometer 720 của hãng abbott | Ml  | 60    |
| <b>BÁO GIÁ SỐ: 07</b> |                                             |                                                                                                        |     |       |
| 1                     | Hoá chất ngoại kiểm Huyết học               | Hoá chất ngoại kiểm Huyết học                                                                          | Ông | 24    |
| 2                     | Hoá chất ngoại kiểm Sinh hoá                | Hoá chất ngoại kiểm Sinh hoá                                                                           | Lọ  | 24    |
| 3                     | Hoá chất ngoại kiểm Nước tiểu               | Hoá chất ngoại kiểm Nước tiểu                                                                          | Lọ  | 12    |

| <b>BÁO GIÁ SỐ: 08</b> |                                                                  |                                                                                                      |             |        |
|-----------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|
| 1                     | Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco | Hàm lượng: 2%.<br>Dung tích: 2ml/xilanh.<br>Thành phần: Hydroxypropyl methyl cellulose (HPMC).       | Ống/<br>2ml | 12.000 |
| 2                     | Chất nhuộm màu dùng trong phẫu thuật mắt                         | Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật nhãn khoa nồng độ 0,06%.<br>Thành phần: Trypan Blue 0,6 mg/ml. | Lọ/<br>1ml  | 4.500  |
| 3                     | Dao mổ liền cán ( 2.2mm ; 2.8mm - 3.2mm)                         | Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ,<br>Kích thước 2.2 -3.0mm.                                           | Cái         | 2.000  |

2. Địa chỉ cung cấp: Bệnh viện Mắt – Da liễu tỉnh Cà Mau, số 27, Đường Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, Phường 6, Tp Cà Mau.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: **18 tháng**

4. Dự kiến thanh toán: **90 ngày**

5. Các thông tin khác: Các nhà cung cấp có thể tham gia 01 báo giá hoặc nhiều báo giá, ghi rõ số báo giá và báo tách rời từng báo giá

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Phòng KHNV đăng Website bệnh viện;
- Lưu VT, Dược.

**GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Trung Lâm**